

Hội thảo khoa học quốc gia “*Giải pháp đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý, sử dụng đất đai trong các công ty lâm nghiệp*”

BÁO CÁO THAM LUẬN
THỰC TRẠNG VỀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT TRONG
CÁC CÔNG TY LÂM NGHIỆP HIỆN NAY

Cục Lâm nghiệp – Bộ Nông nghiệp và PTNT

Giới thiệu

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 33/CT-TTg về thúc đẩy công tác sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp theo kết luận của Bộ Chính trị, trong đó đã nhận định “*bên cạnh các kết quả đạt được, vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế, ... một số công ty nông, lâm nghiệp sau sắp xếp, đổi mới, hoạt động chưa hiệu quả, chưa đạt mục tiêu ban đầu, phải tiếp tục sắp xếp lại; còn nhiều điểm nghẽn tác động tiêu cực tới kết quả sắp xếp, đổi mới và phát triển các công ty nông, lâm nghiệp chưa được xử lý triệt để, đặc biệt là vấn đề liên quan xử lý đất đai...*”. Theo chương trình công tác năm 2024 của Bộ Chính trị và Ban Bí thư, sẽ tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW và Kết luận số 82-KL/TW. Để phục vụ công tác tổng kết, báo cáo Bộ Chính trị, yêu cầu phải đánh giá lại công tác sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp, trong đó có việc tổ chức sản xuất trong các công ty nông, lâm nghiệp, từ đó đề xuất, kiến nghị các giải pháp phù hợp với hoàn cảnh mới.

I. MỘT SỐ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG TỔ CHỨC SẢN XUẤT
TẠI CÁC CÔNG TY LÂM NGHIỆP HIỆN NAY

Công ty lâm nghiệp cùng với các công ty nông nghiệp (tiền thân là lâm trường, nông trường quốc doanh) luôn được Đảng, Nhà nước đặc biệt quan tâm, có nhiều chủ trương, chính sách nhằm đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động nhằm khai thác tiềm năng thế mạnh về nguồn lực đất đai. Trong quá trình xây dựng và phát triển, các công ty lâm nghiệp cùng với các công ty nông nghiệp đã có những chuyển đổi quan trọng cả về tổ chức quản lý và nội dung, phương thức hoạt động, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, nhiều công ty đã làm tốt vai trò trung tâm kinh tế - kỹ thuật, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, thực hiện sản xuất, kinh doanh tổng hợp, gắn sản xuất với chế biến và thị trường

tiêu thụ nông, lâm sản, góp phần làm thay đổi bộ mặt nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc, vùng biên giới.

Tiếp tục thực hiện sắp xếp đổi mới theo Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 12/3/2014, Kết luận số 82-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị và Nghị định số 118/2014/NĐ-CP của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp; đã có một số công ty lâm nghiệp hoạt động kinh doanh có hiệu quả, tạo việc làm cho người lao động, đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa, góp phần ổn định chính trị - xã hội và phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo như mục tiêu của Nghị quyết số 30-NQ/TW đã đề ra. Cụ thể là:

1. Phát triển rừng trồng sản xuất kinh doanh

a) Về giống

Trước đây, cây giống được gieo ươm từ hạt, phương thức này tạo ra rừng trồng chất lượng không đồng đều, năng suất, chu kỳ kinh doanh dài. Hiện nay, đa số các công ty lâm nghiệp áp dụng giống cây trồng mới như Keo tai tượng Úc nhập nội, Keo lai dâm hom để có sản lượng cao, chu kỳ kinh doanh ngắn. Một số công ty đã dùng cây gieo ươm bằng nuôi cấy mô tạo ra rừng trồng đồng đều, năng suất cao; công tác kiểm tra, thẩm định các nguồn giống theo quy định, kiểm tra sản xuất kinh doanh giống của các cơ sở sản xuất giống cũng được thực hiện theo định kỳ. Theo báo cáo của các địa phương, hiện nay, diện tích rừng trồng bằng giống có nguồn gốc xuất xứ được kiểm soát đạt tới trên 85%.

b) Về trồng, chăm sóc rừng

Về cơ bản, các công ty không trồng rừng quảng canh như trước đây mà đã áp dụng các hình thức trồng rừng thâm canh ở các mức độ khác nhau. Cây trồng rừng được chăm sóc, bón phân nhằm tăng sản lượng gỗ và rút ngắn chu kỳ kinh doanh. Do áp dụng các tiến bộ trong khoa học kỹ thuật nên năng suất, chất lượng rừng và giá trị kinh tế từ rừng trồng tăng dần, hiệu quả sử dụng đất được nâng cao. Năm 2012, năng suất rừng trồng của các Công ty lâm nghiệp chỉ đạt từ 10-15m³/ha/năm, từ năm 2017 đến nay đã tăng lên 15-20m³/ha/năm. Cá biệt, có Công ty lâm nghiệp ở miền Trung trồng cây keo lai đạt năng suất 30m³/ha/năm (Công ty LN Sông Hiếu).

2. Chế biến lâm sản

Các công ty lâm nghiệp cũng quan tâm đến việc chế biến lâm sản, một số công ty lâm nghiệp ở Quảng Trị đã xây dựng nhà máy viên nén năng lượng xuất khẩu. Sản phẩm chế biến gỗ của các công ty lâm nghiệp hiện nay chủ yếu là gỗ dăm, gỗ nguyên liệu cho sản xuất giấy, gỗ xẻ, gỗ ghép thanh, gỗ bóc, gỗ lạng... Điển hình như Công ty lâm nghiệp Cẩm Phả đầu tư cơ sở chế biến dăm gỗ nguyên liệu giấy xuất khẩu cho Tổng công ty giấy DAIO (Nhật Bản) với công suất 50 tấn gỗ tươi/giờ. Nhờ có chế biến nên doanh thu của công ty tăng nhanh. Năm 2010, doanh thu chỉ được 42 tỷ đồng, năm 2011 là 166 tỷ đồng, năm 2022 doanh thu lên tới 228 tỷ đồng bằng 5,4 lần so với năm 2010. Trong chế biến lâm sản, nhờ ứng dụng công nghệ mới đã tạo ra sản phẩm mới xuất khẩu từ gỗ rừng trồng. Công ty lâm nghiệp Sông Kôn liên kết với công ty PISICO (Bình Định) sản xuất ván ghép thanh và hàng mộc ngoài trời xuất khẩu sang Hàn Quốc, EU từ gỗ Keo lai...

3. Liên kết chuỗi giá trị

Hiện nay, việc liên kết chủ yếu trong sản xuất trồng rừng gỗ lớn, có chứng nhận quản lý rừng bền vững (FSC/PEFC) có sự hợp tác, liên kết theo chuỗi từ người trồng rừng (đối tượng nhận khoán), đến công ty lâm nghiệp (chủ rừng), người chế biến (các công ty lâm nghiệp có chế biến), doanh nghiệp sản xuất đồ gỗ đến người tiêu thụ sản phẩm đồ gỗ. Một số mô hình liên kết theo chuỗi trồng rừng gỗ lớn, có chứng nhận quản lý rừng bền vững điển hình như mô hình liên kết giữa Công ty Woods land với 5 công ty lâm nghiệp Tuyên Quang về trồng rừng gỗ lớn, có chứng nhận FSC; liên kết trồng rừng tại các công ty lâm nghiệp tỉnh Quảng Trị có chứng chỉ để sản xuất đồ mộc xuất khẩu của IKEA. Việc phát triển mô hình liên kết theo chuỗi trồng rừng gỗ lớn, có chứng chỉ là phù hợp với thực tiễn sản xuất và định hướng tái cơ cấu sản xuất lâm nghiệp.

Kết quả của hoạt động liên kết đã tạo điều kiện cho hàng triệu lao động tham gia quản lý, bảo vệ rừng, nhận khoán đất sản xuất kinh doanh lâm nghiệp, trong đó các hộ nghèo, đồng bào dân tộc miền núi, vùng cao chiếm tỷ lệ lớn. Thu nhập đời sống của người dân từng bước được tăng lên, đã có nhiều hộ gia đình khá lên từ việc trồng rừng thâm canh, như ở Quảng trị, Quảng Ninh, Tuyên Quang, Cà Mau,... đã xuất hiện nhiều mô hình sản xuất lâm nghiệp cho thu nhập trên 100 triệu/ha/năm. Một số công ty lâm nghiệp thuộc UBND tỉnh Quảng Trị đã hợp tác với Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại tổng hợp Tân Ký để sản xuất viên củi

nén Tân Kỳ xuất khẩu. Dự án không chỉ góp phần gia tăng giá trị cho sản phẩm gỗ rừng trồng, kích thích các doanh nghiệp tiết kiệm nguyên liệu gỗ rừng trồng; một số công ty còn đảm nhiệm vai trò chuyển giao công nghệ cho người dân: Công ty Sông Kôn Bình Định xây dựng mô hình liên kết tiêu thụ sản phẩm với các hộ dân. Vai trò điểm tựa kinh tế tương đối phổ biến tại các công ty lâm nghiệp thông qua dịch vụ giống cây trồng lâm nghiệp và tiêu thụ gỗ rừng trồng cho các hộ gia đình...

4. Tổ chức quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên, rừng phòng hộ

Quản lý bảo vệ rừng trong các công ty rất được chú trọng. Nhiều công ty tổ chức lực lượng chuyên trách để quản lý rừng bền vững đối với diện tích rừng tự nhiên, ngoài ra còn khoán cho hộ gia đình, cộng đồng quản lý bảo vệ, phối hợp với các tổ chức khác như lực lượng biên phòng, kiểm lâm, UBND các xã trong quá trình thực hiện quản lý bảo vệ rừng tự nhiên. Các công ty lâm nghiệp thực hiện nghiêm chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên đã có tác dụng lớn trong việc nâng cao chất lượng rừng tự nhiên, ngăn chặn tình trạng suy thoái rừng, tình trạng khai thác gỗ trái phép, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu.

Thông thường thì vùng sát biên giới được quy hoạch là rừng phòng hộ, song thực tế một số địa phương do diện tích rừng phân tán, đường biên dài nên một số công ty vẫn quản lý rừng và đất lâm nghiệp sát biên giới. Những công ty đó ngoài sản xuất kinh doanh còn có nhiệm vụ duy trì dải rừng biên giới. Những vùng biên giới xa dân nên chỉ có lực lượng biên phòng và lâm nghiệp. Bảo vệ rừng cũng chính là bảo vệ an ninh quốc phòng và toàn vẹn lãnh thổ. Những công ty LN phân bố vùng sát biên giới đã phối kết hợp với lực lượng biên phòng vừa tuần tra vừa quản lý bảo vệ rừng.

Thống kê báo cáo của các địa phương đến nay, các công ty lâm nghiệp còn quản lý 254.292 ha rừng phòng hộ (gồm 223.837 ha rừng tự nhiên và 30.455 ha rừng trồng), chiếm 15% tổng diện tích các công ty lâm nghiệp được quản lý và 13.709 ha đất quy hoạch trồng rừng phòng hộ. Diện tích rừng phòng hộ còn lại trong công ty lâm nghiệp phần lớn là những diện tích rừng phân tán, không đủ điều kiện về quy mô tập trung để thành lập ban quản lý rừng, tuy nhiên có những công ty quản lý diện tích rừng tập trung đủ điều kiện để thành lập ban quản lý rừng. Theo quy định của Luật Lâm nghiệp, các địa phương đã chỉ đạo các chủ

rừng là tổ chức phải lập phương án quản lý rừng bền vững đối với các diện tích rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên, song do còn khó khăn về kinh phí, các địa phương chưa bố trí nguồn lực thực hiện.

Theo quy định tại Nghị định số 118/2014/NĐ-CP thì diện tích rừng phòng hộ, đặc dụng, rừng sản xuất là rừng tự nhiên chưa được khai thác thì nhà nước thực hiện chế độ đặt hàng, giao nhiệm vụ công ích, tuy nhiên hiện nay cơ chế này chưa được thực hiện, nhà nước chỉ bố trí hỗ trợ một phần kinh phí quản lý bảo vệ theo chương trình mục tiêu.

5. Thực hiện chính sách khoán

Bảng: Tổng hợp tình hình khoán trong các công ty lâm nghiệp hiện nay

Phân loại Công ty lâm nghiệp	Đơn vị tính	Tổng diện tích khoán	Các hình thức khoán				
			Khoán lâu dài theo ND 01/CP	Khoán chu kỳ cây trồng	Khoán công đoạn	Khoán bảo vệ rừng	Khoán trắng
Công ty lâm nghiệp toàn quốc	ha	458.059	24.631	122.110	5.651	304.034	1.633
Công ty lâm nghiệp thuộc Trung ương	ha	46.500	11.716	26.317		8.467	
Công ty lâm nghiệp thuộc địa phương	ha	411.559	12.914	95.793	5.651	295.567	1.633
Công ty lâm nghiệp công ích	ha	321.191	4.229	26.539	5.240	284.938	246
Công ty lâm nghiệp cổ phần	ha	98.044	12.691	76.689	196	8.467	
Công ty lâm nghiệp 2 TV	ha	31.309	6.933	14.258	163	9.955	
Công ty lâm nghiệp giải thể	ha	3.037	776			674	1.587

Thực hiện các Nghị định số 01/CP và Nghị định số 135/2005/NĐ-CP, các công ty lâm nghiệp đã tiếp nhận và thực hiện chính sách khoán với vai trò là đại diện “chủ sở hữu nhà nước về đất đai”, “chủ rừng” và đảm nhận làm vai trò “nòng cốt”, áp dụng các hình thức giao khoán, phương pháp giao khoán và đối tượng khoán... rất khác nhau. Căn cứ vào quy định về giao khoán và điều kiện thực tế tại các đơn vị đã áp dụng các hình thức khoán thích hợp với khả năng của bên nhận khoán, bao gồm các hình thức chính như sau:

- Khoán ổn định lâu dài (thời gian giao khoán lên đến 50 năm) theo Nghị định 01/CP;

- Khoán theo chu kỳ cây trồng theo Nghị định 135/2005/NĐ-CP đối với đất lâm nghiệp trồng cây lâu năm;

- Khoán theo công đoạn hoặc công việc theo Nghị định 135/2005/NĐ-CP;

- Khoán bảo vệ rừng hàng năm;

- Khoán trắng: Công ty không có đầu tư, không hỗ trợ.

Kết quả tổng hợp cho thấy, các công ty lâm nghiệp toàn quốc chỉ khoán 458.059 ha, tương đương khoảng 27% tổng diện tích được quản lý, trong đó các công ty lâm nghiệp thuộc diện cổ phần hóa có tỷ lệ diện tích khoán lớn hơn (gần 40% diện tích được quản lý). Áp dụng hình thức tự tổ chức sản xuất đã tạo diện tích rừng liền vùng dễ quản lý, hạn chế tối thiểu sự xâm hại lấn chiếm, ngăn chặn được tình trạng tùy tiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất và đặc biệt phù hợp với quản lý rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, đặc dụng. Đối với diện tích trồng rừng sản xuất tự tổ chức sản xuất có ưu điểm là tập trung, tạo được khối lượng sản phẩm hàng hóa lớn một cách chủ động, quản lý được quy trình kỹ thuật tuy nhiên, hình thức quản lý này với đất trồng rừng sản xuất thì chưa huy động được nguồn lực sẵn có trong nhân dân.

Mặt tích cực của việc khoán là:

- Việc giao khoán rừng và đất rừng đã tạo động lực cho các cá nhân, hộ gia đình chủ động tổ chức sản xuất, phát triển kinh tế, nên nhận được sự hưởng ứng cao của người dân trong việc nhận đất, nhận rừng để phát triển sản xuất;

- Các Công ty đã thực hiện chuyển đổi xóa bỏ cơ chế bao cấp trong sản xuất, chuyển sang tự hạch toán kinh doanh độc lập theo cơ chế thị trường, thực hiện theo chuỗi trồng rừng, chăm sóc, khai thác, tiêu thụ sản phẩm. Từ đó, đã tạo thêm công ăn việc làm cho cán bộ công nhân viên của các đơn vị và người lao động tại địa phương, thúc đẩy sự phát triển kinh tế tại địa phương;

- Hoạt động giao khoán đã tạo được mối quan hệ chặt chẽ giữa bên giao khoán và bên nhận khoán, đảm bảo tính pháp lý; chia sẻ trách nhiệm, quyền lợi, nghĩa vụ của mỗi bên qua hợp đồng giao khoán.

6. Thực hiện quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng

Trên thực tế, các công ty lâm nghiệp là đầu tàu trong việc ứng dụng quản lý rừng bền vững. Từ lâu đã có nhiều công ty lâm nghiệp xây dựng phương án quản lý rừng bền vững như các công ty lâm nghiệp thuộc Tổng Công ty Giấy Việt Nam, Công ty lâm nghiệp Đắk Tô tỉnh Kon Tum, Công ty lâm nghiệp M'Đrăk và Công ty lâm nghiệp Krông Bông tỉnh Đắk Lắk, Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Đại Thành, Công ty TNHH MTV LN Đắk N'tao, Công ty TNHH MTV LN Đức Hòa tỉnh Đắk Nông, Công ty lâm nghiệp Hà Nừng, Đắk Roong tỉnh Gia Lai...

Trong số các công ty lâm nghiệp đã xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững, có nhiều công ty đã được các tổ chức quốc tế cấp chứng chỉ. Đến nay các công ty lâm nghiệp được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững khoảng 140 ngàn ha, chiếm khoảng 27% diện tích rừng có chứng chỉ của cả nước trong khi diện tích rừng trồng chỉ chiếm hơn 300.000ha. Diện tích rừng của các công ty lâm nghiệp được cấp chứng chỉ trong thời gian tới sẽ còn tăng lên, bao gồm cả rừng trồng và rừng tự nhiên.

Do được thực hiện theo tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững nên rừng của một số công ty lâm nghiệp đã đáp ứng được các yêu cầu về kinh tế, xã hội và môi trường nghĩa là rừng được quản lý tốt hơn, sử dụng có hiệu quả hơn. Rừng có chứng chỉ hiện nay được thu mua với giá cao hơn rừng không có chứng chỉ khoảng 15%, theo đó doanh số của công ty và thu nhập của người lao động tăng dần. Tuân thủ các tiêu chí bền vững về mặt xã hội giúp mâu thuẫn về lợi ích từ rừng giữa công ty lâm nghiệp với cộng đồng địa phương bước đầu được giải quyết. Một số công ty lâm nghiệp sản xuất, kinh doanh có lãi đã hỗ trợ người dân địa phương xây dựng phương án quản lý rừng bền vững theo nhóm hộ gia đình để đảm bảo diện tích đủ lớn khi thực hiện đánh giá cấp chứng chỉ... Tình trạng lấn chiếm đất, khai thác lâm sản trái phép ở những công ty này giảm đi rõ rệt.

II. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN TRONG TỔ CHỨC SẢN XUẤT CỦA CÁC CÔNG TY LÂM NGHIỆP HIỆN NAY

Bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn có nhiều hạn chế, tồn tại, vướng mắc đối với các công ty lâm nghiệp hiện nay như hoạt động của nhiều công ty sau sắp xếp chưa có nhiều chuyển biến; hiệu quả quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên tại một số công ty còn thấp. Cụ thể như sau:

1. Về sản xuất, kinh doanh rừng trồng

Bên cạnh một số công ty có sự chuyển biến tích cực như đã nêu trên thì vẫn còn một số công ty lâm nghiệp vẫn giữ phương thức sản xuất giao khoán cũ, chưa có đổi mới phương thức sản xuất, đầu tư thâm canh, chưa có kế hoạch sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao hay kinh doanh gỗ lớn... để mang lại hiệu quả kinh tế nên chưa nâng cao hiệu quả hoạt động.

Nguyên nhân:

- Các doanh nghiệp trong ngành lâm nghiệp hầu hết là doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, khả năng tài chính rất hạn chế, thiếu kinh nghiệm, khả năng tiếp cận thị trường, phát triển chuỗi cung ứng chưa có nên chưa hình thành được nhiều mô hình liên kết có quy mô lớn. Đây là nguyên nhân chính khiến việc đổi mới sản xuất còn chậm.

- Rất khó tìm kiếm được nhà đầu tư khác quan tâm tham gia làm cổ đông hoặc là thành viên góp vốn thành lập Công ty TNHH hai thành viên trở lên do tính chất quản lý đất đai manh mún, quản lý sản xuất kinh doanh với việc thực hiện phương án khoán thu sản phẩm trong lâm nghiệp không thu hút được nhà đầu tư quan tâm.

- Việc chuyển đổi thành công ty TNHH hai thành viên trở lên là phương thức chuyển đổi mới vì vậy nhiều địa phương, đơn vị rất lúng túng trong việc xây dựng tiêu chí để lựa chọn đối tác, xác định giá trị vốn nhà nước khi góp vốn, tỷ lệ góp vốn, bước công việc phải làm, thời gian phải hoàn thành... theo đúng quy định của pháp luật.

- Các mô hình kinh doanh rừng trồng gỗ lớn cho thấy hiệu quả kinh tế cao hơn nhưng vì phần lớn các công ty còn khó khăn về tài chính, không có điều kiện mở rộng đầu tư kinh doanh rừng gỗ lớn, một phần vì kinh doanh gỗ lớn chịu rủi ro cao hơn do thiên tai hoặc có nơi do điều kiện lập địa...

Chính sách hỗ trợ sản xuất kinh doanh rừng trồng gỗ lớn chưa tạo được động lực thúc đẩy phát triển các mô hình trồng rừng gỗ lớn. Theo Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg trước đây, trồng các loài cây sản xuất gỗ lớn (khai thác sau 10 năm tuổi), cây đa mục đích, cây bản địa, mức hỗ trợ 8 triệu đồng/ha; trồng các loài cây sản xuất gỗ nhỏ (khai thác trước 10 năm tuổi) và cây phân tán (quy đổi 1.000 cây/ha), mức hỗ trợ 5 triệu đồng/ha.

2. Về ứng dụng khoa học công nghệ

- Việc áp dụng khoa học kỹ thuật và thâm canh trong trồng rừng còn hạn chế, mới chỉ tập trung tại một số công ty lâm nghiệp của Tổng công ty Nhà nước và một số công ty lâm nghiệp có điều kiện và nguồn vốn; còn lại nhiều công ty không đầu tư thâm canh, dẫn đến tiềm năng, lợi thế về đất đai, lao động chưa được phát huy tốt. Công nghệ chế biến hầu như còn lạc hậu, chưa đa dạng hóa sản phẩm, mẫu mã chưa phong phú nên chưa nâng cao được giá trị nguyên liệu, chất lượng và giá trị sản phẩm nên hiệu quả sản xuất, kinh doanh còn thấp, ít quan tâm đến đầu tư nâng cao chất lượng rừng, hiện nay các công ty lâm nghiệp không mạnh dạn đầu tư trồng rừng gỗ lớn có chu kỳ kinh doanh dài

Nguyên nhân:

- Tình trạng chung của các công ty lâm nghiệp hiện nay là rất thiếu vốn trong tất cả các hoạt động. Khả năng tiếp cận vốn vay từ các ngân hàng là rất khó. Các công ty lớn như Long Đại, Sông Hiếu vay từ ngân hàng thương mại, thời hạn vay chỉ có 5 năm. Các công ty nhỏ không vay được vốn ngân hàng. Do hạn chế về nguồn lực cũng như khả năng tiếp cận vốn vay là nguyên nhân chủ yếu khiến các công ty lâm nghiệp tiếp cận, ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất và nghiên cứu còn ít.

- Chính sách khuyến khích trồng rừng gỗ lớn, bảo hiểm rừng trồng, chính sách hỗ trợ rừng trồng khi thiên tai địch họa còn thiếu hoặc không đủ hấp dẫn, kinh doanh rừng gỗ lớn còn nhiều rủi ro...

3. Về quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên, rừng phòng hộ

- Rừng tự nhiên trong các công ty lâm nghiệp hầu hết rừng còn lại là rừng nghèo, chất lượng rừng chậm được cải thiện.

- Công tác quản lý, bảo vệ rừng vẫn chưa có nhiều biến chuyển tích cực. Bên cạnh một số nơi quản lý bảo vệ rừng tốt vẫn còn những điểm nóng về phá rừng, vận chuyển, tàng trữ lâm sản trái phép và chống người thi hành công vụ, điển hình là ở các tỉnh Tây Nguyên.

- Rừng tự nhiên vẫn còn nguy cơ giảm dần diện tích và chất lượng.

Nguyên nhân của sự hạn chế đó là:

Kinh doanh rừng tự nhiên không giống như kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp khác là được thay thế loài cây trồng mà điều tiên quyết là phải giữ và duy trì được hệ sinh thái rừng tự nhiên. Việc khai thác gỗ rừng tự nhiên cũng khác với khai thác các loại tài nguyên khác như than, dầu mỏ, khoáng sản... Việc khai thác rừng tự nhiên trước đây đã làm cạn kiệt tài nguyên rừng nhưng cơ chế đầu tư và quản lý kinh phí đầu tư đảm bảo diện tích rừng tự nhiên được phục hồi, duy trì khả năng sản xuất vẫn chưa được tính toán đầy đủ. Theo kết quả các nghiên cứu trong nước và trên thế giới, thì trong tổng giá trị của rừng, giá trị lâm sản chỉ chiếm dưới 20%, còn trên 80% là giá trị thuộc về phòng hộ, bảo tồn, giữ đất, bảo vệ nguồn nước. Phần giá trị lâm sản chiếm rất ít, nhưng phải cáng đáng toàn bộ chi phí để đảm bảo các giá trị của hệ sinh thái rừng.

Về cơ bản sử dụng rừng tự nhiên không thể dựa vào khai thác để nuôi sống ngành lâm nghiệp. Ý nghĩa của ngành lâm nghiệp đối với xã hội rất lớn, sản phẩm lâm nghiệp không giống sản phẩm nông nghiệp là tiêu dùng được ngay mà là nguyên liệu cho các ngành khác. Chỉ các hộ gia đình sản xuất lâm nghiệp đơn lẻ không thể tạo ra hàng hóa, do vậy rất cần các công ty lâm nghiệp làm trọng tâm để phát triển kinh tế lâm nghiệp. Tất cả những lý do đó tạo ra Lâm nghiệp là một ngành kinh tế kỹ thuật đặc thù có ý nghĩa quan trọng đến môi trường và xã hội, điều đó được thể hiện trong Nghị quyết số 30-NQ/TW nhưng không cụ thể hóa được do nguồn lực quốc gia còn hạn hẹp, chưa bố trí đủ cho ngành.

Hiện nay, trên phạm vi cả nước hầu hết là rừng nghèo, đối tượng rừng này sinh trưởng và phát triển thành rừng giàu và trung bình với thời gian rất lâu. Như vậy, nguồn lực về đất đai bị lãng phí, hiệu quả kinh tế (giá trị cung cấp gỗ) và giá trị môi trường đều giảm sút, nhưng Nghị quyết cũng như các chính sách hiện nay chưa quan tâm đúng mức đến đối tượng này.

Thực tế ở một số công ty đã khẳng định, cây bản địa có thể trồng thành rừng hoặc làm giàu rừng nhưng chu kỳ quá dài, nên xét về lợi ích kinh tế, cá nhân và tổ chức không thể đầu tư trồng cây bản địa. Đối với rừng tự nhiên do nguồn vốn eo hẹp nên hầu hết các công ty chỉ tổ chức bảo vệ rừng, không thực hiện các biện pháp nuôi dưỡng, làm giàu rừng. Nguyên nhân cơ bản là nhà nước thiếu kinh phí đầu tư, hỗ trợ, công ty chỉ còn lấy từ nguồn tài chính của mình, nhưng với hiệu quả sản xuất như hiện nay thì công ty không thể đầu tư mở rộng thêm. Do vậy, khó khăn, thách thức về đầu tư làm giàu rừng là một thực tế. Ví dụ như Công